

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUY XUYÊN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 144 /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 13-8-2019

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con và
tài sản chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUY XUYÊN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Sơn Hải

2. Bà Nguyễn Thị Xuân Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Luông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Sinh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tài sản chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXX-ST ngày 13 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị G, sinh năm: 1978

2. *Bị đơn:* Anh Lương Văn S, sinh năm: 1977

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông Lương Sang, sinh năm 1955 và bà Lương Thị Lợi, sinh năm 1958.

Tất cả đều trú tại: thôn Thi Lai, xã Duy Trinh, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/02/2019, qua các phiên hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Dương Thị G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị G và anh Lê Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Quang, huyện Sông Công, tỉnh Thái Nguyên vào năm 2001. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh S tính tình nóng nảy, mỗi khi về nhà chửi bới, xúc phạm, đánh đuổi vợ con ra khỏi nhà nhiều lần. Tình cảm vợ chồng đến nay không còn nữa nên chị G yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lương Văn S.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Lương Thục Phương, sinh ngày 08/9/2002 hiện đang ở với anh S, Lương Thục Linh, sinh ngày 21/7/2009 và Lương Thục Bích, sinh ngày 22/02/2012 hiện đang ở với chị G. Khi ly hôn, chị G

có nguyện vọng được nuôi cả 02 con nhỏ, giao cháu Phương cho anh S nuôi dưỡng và yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con mỗi đứa 700.000đ/ tháng.

Về tài sản chung: Tài sản chung của vợ chồng gồm có 01 ngôi nhà trệt một lầu, nhà bếp, công trình vệ sinh có tổng diện tích 95,6m² trị giá 233.054.000đ và 06 cây mai 6.000.000đ, tổng cộng 239.054.000đ chị G yêu cầu giao toàn bộ nhà và 06 cây mai cho anh S sở hữu đồng thời thôi trả ½ giá trị tài sản cho chị, ngoài ra các loại tài sản khác chị không yêu cầu chia.

Về nghĩa vụ chung: Hai bên tự giải quyết xong, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/6/2019, qua hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn anh Lê Văn Strình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh S thống nhất thời gian, nơi đăng ký và điều kiện kết hôn như vợ khai là đúng. Anh S thống nhất thời gian và nguyên nhân mâu thuẫn như lời chị G trình bày. Tuy nhiên, chị G ăn nói không đúng cho rằng anh S đi theo gái làm anh bức xúc có đánh vợ. Anh S không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh S thừa nhận vợ chồng có 03 con chung như chị G trình bày là đúng. Khi ly hôn, anh muốn nuôi cả 03 con, không yêu cầu vợ phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh S thống nhất như ý kiến của chị G, tuy nhiên anh S yêu cầu để lại cho con chứ không chia.

Về nghĩa vụ chung: vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết xong, nên không yêu cầu.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lương Sang trình bày: Vợ chồng con ông là Lê Văn Slàm nhà trên đất của ông, bìa đỏ ông đứng tên đang thế chấp vay tiền ở ngân hàng không lấy được, nay vợ chồng con ông ly hôn tài sản nhà cửa của con tôi thì làm chi làm nhưng đất là của ông phải trả lại cho ông.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện các thủ tục tố tụng, xác định tư cách tố tụng theo đúng quy định của pháp luật; thời hạn chuẩn bị xét xử, việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn. Hội đồng xét xử thực hiện các hoạt động tố tụng tại phiên tòa đúng quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Về nội dung: Chị G và anh S đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị G. Về con chung: giao 02 cháu Linh và Bích cho chị G nuôi dưỡng, giao cháu Phương cho anh S nuôi dưỡng là phù hợp.

Về tài sản chung: Giao nhà và 06 cây mai cho anh S, buộc anh S phải thôi trả một nửa số tiền cho chị G. Về nghĩa vụ chung vợ chồng: Không yêu cầu.

Các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án gồm:

- Trích lục kết hôn;
- Bản sao Chứng minh nhân dân của chị Dương Thị G
- Bản sao Giấy khai sinh của 03 con;
- Bản sao Sổ hộ khẩu;

- Biên bản lấy lời khai của anh Lương Văn S;
- Bản trình bày nguyện vọng của 03 con
- Biên bản xác minh.
- Biên bản lấy lời khai của ông Lương Sang

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:

Tất cả các tài liệu, chứng cứ trên đều được các đương sự thống nhất.

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất:

Về quan hệ hôn nhân: Chị G và anh S thống nhất về thời gian và điều kiện kết hôn, thời gian phát sinh mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn.

Về con chung: Chị G và anh S thống nhất số con chung, ngày tháng năm sinh của các con.

Về tài sản chung thống nhất, nghĩa vụ chung vợ chồng: Không có.

Các tình tiết mà các bên không thống nhất:

Về quan hệ hôn nhân:

- Chị G: tình cảm vợ chồng không còn nên cương quyết xin ly hôn.
- Anh S: anh S không đồng ý ly hôn.

Về con chung:

- Chị G: có nguyện vọng được nuôi 02 con nhỏ nhất, yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi mỗi con 700.000đ/tháng.

- Anh S: Yêu cầu nuôi cả 03 con, không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung:

- Chị G: không có nhu cầu nhận tài sản bằng hiện vật, vì chị G về ở Thái nguyên hơn nữa nhà nằm trên đất của cha anh S, nên yêu cầu anh S thôi cho chị ½ giá trị tài sản chung.

- Anh S: Yêu cầu tài sản để lại cho các con chứ không chia.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị G và anh Lê Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Quang, huyện Sông Công, tỉnh Thái Nguyên vào năm 2001, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Cả hai bên đều thừa nhận vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do anh S tính tình nóng nảy, về nhà thường chửi mắng, xúc phạm và đánh đuổi chị G nhiều lần, còn chị G bức xúc nói năng với anh S không được tế nhị, làm cho tình cảm vợ chồng mâu thuẫn gay gắt, chị G đã nhiều lần tìm chỗ ở riêng nhưng anh S vẫn truy tìm để hành hung, đe dọa đến tính mạng của chị G. Qua xác minh tại địa phương thì hai vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng được địa phương can thiệp khuyên bảo nhưng không sửa đổi.

Tại phiên tòa, chị G giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Xét thấy anh S đã có hành vi bạo lực gia đình, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài,

mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Thị Glà đúng pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là: Lương Thục P, sinh ngày 08/9/2002 hiện đang ở với anh S, cháu Lương Thục L, sinh ngày 21/7/2009 và cháu Lương Thục B, sinh ngày 22/02/2012 hiện 02 cháu đang ở với chị G

Xét thấy: Cháu Phương có nguyện vọng ở với cha và hiện tại đang ở với Anh S, nên giao cháu Phương cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Cháu L và cháu có nguyện vọng ở với ba, mẹ nhưng hiện tại đang ở với mẹ tại Thái Nguyên nên giao 02 cháu cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Linh và cháu Bích mỗi cháu 700.000đ/ tháng.

Về tài sản chung: Vợ chồng thống nhất có ngôi nhà trên, nhà dưới và công trình vệ sinh cấp 4 với tổng diện tích 95,6m² giá trị 233.054.000đ và 06 gốc cây mai trị giá 6.000.000đ. Tổng giá trị tài sản là: 239.054.000đ, chia 2 thì mỗi người được nhận 119.527.000đ. Xét thấy, tất cả nhà ở, công trình vệ sinh đều nằm trên diện tích 250m² đất của ông Lương Sang và bà Lương Thị Lợi là cha mẹ ruột của anh S đứng tên GCNQSD đất, hơn nữa, chị G về sinh sống ở Thái Nguyên nên giao toàn bộ tài sản trên cho anh S nhận sở hữu là phù hợp, anh S có nghĩa vụ thanh toán lại cho chị G $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là: 119.527.000đ

Về nghĩa vụ chung: Vợ chồng đã thỏa thuận giải quyết xong, nên không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị Dương Thị G phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ, án phí về cấp dưỡng nuôi con anh S phải chịu 300.000đ, án phí DSST chia tài sản mỗi bên phải chịu 5% trên giá trị tài sản được nhận là 119.527.000đ x 5% = 5.976.350đ. Như vậy, chị G chịu 02 khoản án phí là: 6.276.350đ, nhưng chị G đã nộp tạm ứng án phí 3.475.000đ nên còn phải chịu 2.801.350đ, anh S phải chịu 02 khoản án phí là: 6.276.350đ

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định: “*Về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”; tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Dương Thị G được ly hôn anh Lương Văn S.

2. Về nuôi con chung:

Giao 02 con chung Lương Thục Linh, sinh ngày 21/7/2009 và Lương Thục Bích, sinh ngày 22/02/2012 cho chị Dương Thị G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Lê Văn Scó nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lương Thục Linh, sinh ngày 21/7/2009 và cháu Lương Thục Bích, sinh ngày 22/02/2012 mỗi cháu 700.000đ/ tháng. Kể từ tháng 9 năm 2019 cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi.

Giao cháu Lương Thục Phương, sinh ngày 08/9/2002 cho anh Lê Văn Strục tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị G, anh S cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung:

- Giao cho anh Lê Văn Sđược nhận và sở hữu: 01 ngôi nhà trên, nhà dưới và công trình vệ sinh cấp 4, tổng diện tích là 95,6m², trị giá 233.054.000đ và 06 gốc mai trị giá 6.000.000đ. Tổng cộng 239.054.000đ. tất cả đều tọa lạc trên thửa đất số 82, tờ bản đồ số 7, diện tích 250m² do ông Lương Sang đứng tên GCNQSD đất tại thôn Thi Lai, xã Duy Trinh, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam. Có các tứ cận sau: Phía Bắc giáp đất ông Lương Sang số đo 29m, phía Tây giáp cống Giải Thủy và đường bê tông có số đo 8,7m, phía Đông giáp đất ông Võ Nhị số đo 8,7m, phía Nam giáp nương nước thủy lợi cấp 1 số đo 29m.

- Đồng thời anh S có nghĩa vụ thanh toán lại tiền chênh lệch về chia tài sản cho chị Dương Thị Glà 119.527.000 đồng

4. Về án phí:

- Chị Dương Thị Gphải chịu 300.000đ án phí HNGĐ sơ thẩm và 5.976.350đ án phí dân sự chia tài sản, nhưng chị G được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 3.475.000đ theo biên lai thu số 7641 ngày 13/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Duy Xuyên, nên chị G còn phải chịu án phí còn lại là: 2.801.350đ.

- Anh Lê Văn Sphải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con và 5.976.350đ án phí dân sự chia tài sản, tổng cộng là: 6.276.350đ.

5. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 13/8/2019), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND Duy Xuyên;
- THADS Duy Xuyên;
- Các đương sự;
- UBND xã Duy Trinh;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Minh Quốc